TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2021
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Mộng Lành.

2- Ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị P, sinh năm 1988.

HKTT: Ấp B.A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Trương Hoàng D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B.A, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/20 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị P trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Hoàng D kết hôn với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến ngày 05/8/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến thường cự cải

nhau, thậm chí anh D uống rượu về vô cớ ghen tuông, đánh đập chị gây thương tích. Từ đó vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 người con tên Trương Thị Kim Y, sinh ngày 27/6/2014 và Trương Thị Kim T, sinh ngày 09/12/2017. Hiện nay các con sống với anh D. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 đứa con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Hoàng D trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân và con cái và tài sản, nợ chung là đúng như chị P trình bày. Mâu thuẫn là do mỗi lần vợ chồng cự cải nhau là chị P bỏ về nhà cha mẹ chị ở hơn 01 tháng mới về chung sống lại.

Theo yêu cầu của chị P thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị P.

Về con chung: Anh yêu cầu xin được nuôi 02 đứa con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi dưỡng con. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay anh là người trực tiếp nuôi các con và hiện nay cuộc sống của các con đã ổn định, bản thân anh hiện có nghề nghiệp ổn định (nghề nhom, sắt tại nhà) nên có điều kiện nuôi con, còn chị P không có nghề nghiệp ổn định nên không đảm bảo được nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngô Thị P thừa nhận từ khi chị bỏ ra đi để lại hai đứa con cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và bản thân chị cũng ít về thăm con. Nay chị yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi cháu Trương Thị Kim T, đồng ý giao cháu Trương Thị Kim Y cho anh D nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng cho con, còn tài sản và nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trương Hoàng D vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với chị P, về con chung anh không đồng ý giao cháu T cho chị P nuôi dưỡng, nếu tách hai cháu ra sẽ làm ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của các cháu sau này và bản thân của chị P không có công việc làm ổn định mà thường đi làm về khuya nên không đảm bảo cuộc sống của cháu sau này. Vì vậy, anh yêu cầu xin được nuôi 02 đứa con để đảm bảo cuộc sống của các cháu và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn của chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị P về yêu cầu nuôi cháu Trương Thị Kim T.

Ghi nhận ý kiến của anh Trương Hoàng D giao cháu Trương Thị Kim Y, sinh ngày 27/6/2014 (theo nguyện vọng của cháu Y) và Trương Thị Kim T, sinh ngày 09/12/2017 cho anh Trương Hoàng D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D thừa nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị P và anh D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau nên thường xảy ra cự cải, xung đột và dẫn đến ly thân với nhau từ năm đầu năm 2021 cho đến nay. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân chị P cũng ít về thăm con và gia đình cha mẹ hai bên cũng không tự hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay thì chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D đã tự nguyện thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D có 02 người con tên Trương Thị Kim Y, sinh ngày 27/6/2014 và Trương Thị Kim T, sinh ngày 09/12/2017, chị P và anh D đều xin được nuôi con và không yêu cầu dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị Ngô Thị P yêu cầu nuôi cháu Trương Thị Kim T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì anh D là người chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, hiện nay các cháu có cuộc sống đã ổn định và bản thân anh D có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa theo nguyện vọng của cháu Y, còn cháu T đã trên 36 tháng tuổi nếu giao cháu T cho chị P nuôi dưỡng sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, cuộc sống của các sáu sau này.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị P về việc yêu cầu xin được con.

Xử giao cháu Trương Thị Kim Y và Trương Thị Kim T cho anh Trương Hoàng D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị P phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ. Vậy chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị P về việc yêu cầu xin được con.

Xử giao cháu Trương Thị Kim Y, sinh ngày 27/6/2014 (theo nguyện vọng của cháu Y) và cháu Trương Thị Kim T, sinh ngày 09/12/2017 cho anh Trương Hoàng D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị P và anh D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Ngô Thị P và anh Trương Hoàng D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004501, ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị P và anh D có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2021).

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm